

Số: /2025/QĐ-UBND Cao Bằng, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO LẦN 1

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế;
cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc
thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung số
52/2019/QH14 một số điều của Luật Cán bộ, công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (được sửa đổi
bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước
tại doanh nghiệp (được sửa đổi bởi Nghị định số 69/2023/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
(được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 283/2025/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu
thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị
định số 370/2025/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính
nhà nước và công chức;*

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 172/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức;

Căn cứ Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm đối với công chức;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVNC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, NC (v/A).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hải Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Dự thảo
.....02.2026**

QUY ĐỊNH

Về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (trừ viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức hành chính:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ngành).

c) Văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở, ngành (gọi chung là phòng cấp sở); chi cục và tổ chức tương đương thuộc sở, ngành (gọi chung là chi cục).

d) Phòng và tương đương thuộc chi cục (gọi chung là phòng cấp chi cục).

đ) Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

e) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (gọi chung là phòng cấp xã).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Cá nhân:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Làm rõ trách nhiệm và thẩm quyền quản lý của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức, cá nhân.

3. Bảo đảm công tác quản lý được thực hiện thống nhất, hiệu quả, đồng thời bảo đảm phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành và người đứng đầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 4. Nội dung quản lý

1. Về quản lý tổ chức bộ máy:

a) Quản lý thành lập, tổ chức lại, giải thể; thay đổi tên gọi.

b) Quản lý chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức.

c) Quản lý đánh giá, xếp hạng (phân loại) tổ chức.

d) Quản lý quyền tự chủ đối với tổ chức.

2. Về quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức

a) Quản lý vị trí việc làm.

b) Quản lý biên chế công chức.

c) Quản lý số lượng người làm việc.

3. Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước

a) Quản lý tuyển dụng công chức, viên chức.

b) Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương.

c) Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái, đi chuyên gia, đi phu nhân/phụ quân theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

d) Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức, giao quyền, phụ trách, thôi giữ chức vụ và chính sách khác đối với lãnh đạo quản lý.

đ) Quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

e) Quản lý chế độ, chính sách (thôi việc, nghỉ hưu, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương; đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật và các chính sách khác theo quy định).

g) Ký kết hợp đồng lao động.

h) Quản lý, lưu trữ hồ sơ; xây dựng, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức.

i) Quản lý các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP .

Chương II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 5. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Tổ chức hành chính:

a) Xây dựng, trình HĐND tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể văn phòng cấp sở, chi cục; phòng cấp chi cục theo quy định của pháp luật.

c) Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng của sở, ngành (trừ Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh), tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng Phó Giám đốc của từng sở, ngành phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở tỉnh và các tiêu chí quy định của pháp luật; quyết định khung số lượng, tên gọi và chức năng các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

d) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục.

đ) Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã theo quy định.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thành lập, tổ chức lại, chuyển giao, giải thể, thay đổi tên gọi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, thuộc sở, ngành, thuộc chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật.

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, thuộc sở, ngành theo quy định của pháp luật.

c) Phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt.

d) Quyết định thành lập Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ; ban hành Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi có Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

b) Cho ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt chủ trương cho phép thành lập chi nhánh, điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước sau khi có quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quyết định điều chỉnh biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Quyết định giao, điều chỉnh số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quyết định số lượng cấp phó của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Quyết định số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã của từng đơn vị hành chính cấp xã theo khung số lượng do Chính phủ quy định.

Điều 7. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp

1. Ban hành Kế hoạch, thông báo tuyển dụng công chức; Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức trong trường hợp cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp xã trực tiếp tổ chức tuyển dụng viên chức (trừ các đơn vị là đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên).

2. Quản lý chức danh nghề nghiệp: Quyết định chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về chế độ, chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác; bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

b) Xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm của địa phương.

c) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

d) Lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

đ) Quản lý và tổ chức biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

e) Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và đội ngũ giảng viên theo thẩm quyền.

Mục 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 8. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của luật chuyên ngành.

2. Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành theo quy định. Các trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

3. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý vị trí việc làm

1. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định.

2. Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Điều 10. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp

1. Quản lý tuyển dụng:

a) Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức, Ban Giám sát; Quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển, phúc khảo, kết quả trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức theo quy định; Quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

b) Cho ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Quyết định tiếp nhận các trường hợp vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý không qua Hội đồng kiểm tra, sát hạch tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp xã (trừ các chức danh chức vụ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh quản lý).

2. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương:

a) Cho ý kiến về phương án thay đổi vị trí việc làm đối với công chức.

b) Quyết định thành lập Hội đồng để đánh giá việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của công chức theo phương án thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ.

c) Quyết định việc thay đổi vị trí việc làm và xếp ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới đối với công chức trong trường hợp thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ.

d) Quyết định xếp ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính đối với các trường hợp được bổ nhiệm chức vụ, chức danh theo quy định (diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh). Quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I tương đương chuyên viên cao cấp.

đ) Quyết định xếp ngạch, miễn nhiệm thanh tra viên cao cấp, thanh tra viên chính, thanh tra viên.

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng thuộc quyền quản lý theo quy định.

3. Quyết định điều động, tiếp nhận; đi nước ngoài theo chế độ phu nhân/phu quân ngoại giao đi công tác nhiệm kỳ cùng thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, đi làm chuyên gia:

Cho phép công chức, viên chức đi nước ngoài theo chế độ phu nhân/phu quân ngoại giao đi công tác nhiệm kỳ cùng thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, đi làm chuyên gia theo quy định.

4. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cho thôi giữ chức vụ và chính sách khác

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, nghỉ hưu đối với người đại diện phân vốn nhà nước, kiểm soát viên theo quy định của pháp luật đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

5. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy giải quyết một số nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

b) Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương.

c) Quyết định phê duyệt danh sách học viên tham gia các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của tỉnh: Các lớp bồi dưỡng ở nước ngoài; các lớp bồi dưỡng trong nước mời giảng viên nước ngoài.

6. Quyết định ký kết hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ của công chức tại các Sở, ngành, UBND cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; Cho ý kiến về việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ của công chức tại các Sở, ngành, UBND cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

7. Chế độ chính sách

a) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung; thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp lương và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (trừ các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường).

b) Quyết định nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý sau khi có thông báo của Thường trực Tỉnh ủy; Thông báo, Quyết định nghỉ hưu đúng tuổi đối với cán bộ, công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi có ý kiến nhất trí của Thường trực Tỉnh ủy (trừ các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường); Quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tinh giản biên chế theo quy định

Mục 3

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA SỞ NỘI VỤ

Điều 11. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Tham mưu, giúp UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Thẩm định nội dung dự thảo văn bản về tổ chức bộ máy thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 và Điều 8 Quy định này.

3. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực nội vụ của Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung về quản lý vị trí việc làm và biên chế theo

thẩm quyền quy định tại Điều 6 và Điều 9 Quy định này, trên cơ sở đề nghị của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn, thẩm định việc xây dựng vị trí việc làm (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm), số lượng người làm việc; tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị; tổng hợp xây dựng vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Hướng dẫn vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực tại đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

4. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về quản lý vị trí việc làm và biên chế theo quy định.

Điều 13. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp

1. Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; người quản lý doanh nghiệp theo thẩm quyền quy định tại Điều 7 và Điều 10 Quy định này, trên cơ sở đề nghị của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quản lý tuyển dụng:

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng tuyển dụng công chức của tỉnh; Hội đồng kiểm tra sát hạch tiếp nhận vào làm công chức;

b) Ban hành Quyết định tuyển dụng công chức sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

c) Ban hành Quyết định tiếp nhận vào làm công chức sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch; Quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác; Thống nhất bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức để bổ nhiệm làm viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến bằng văn bản với sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân

dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch tuyển dụng viên chức và chỉ tiêu, kế hoạch tiếp nhận vào làm viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập; Có ý kiến bằng văn bản về kết quả kỳ tuyển dụng viên chức, kỳ tiếp nhận vào làm viên chức tại các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thống nhất bằng văn bản đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức sau khi có kết quả kiểm tra, sát hạch theo quy định.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức của sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp

a) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Quyết định xếp ngạch và xếp lương công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định việc thay đổi vị trí việc làm và xếp ngạch tương ứng với vị trí việc làm mới đối với công chức trong trường hợp thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ. Quyết định bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức hạng II.

c) Xếp lương viên chức vào chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống bằng văn bản đề các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định (gồm tuyển dụng, thăng hạng, chuyển chức danh nghề nghiệp).

4. Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái công chức, viên chức.

a) Quyết định tiếp nhận, điều động công chức, viên chức từ cơ quan trung ương, cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội ngoài tỉnh đến làm việc tại sở, ngành Ủy ban nhân dân cấp xã; thẩm định và cho ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị điều động, tiếp nhận công chức, viên chức từ cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh đến làm việc tại sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã (không bao gồm trường hợp điều động, tiếp nhận công chức, viên chức trong cùng xã, phường).

b) Quyết định điều động, công chức, viên chức giữa các sở, ban, ngành, các xã trong tỉnh và ra ngoài tỉnh (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đối tượng là viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên).

c) Quyết định tiếp nhận công chức, viên chức đi nước ngoài theo chế độ phu quân, phu nhân ngoại giao theo thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài,

đi làm chuyên gia về cơ quan, đơn vị cũ sau khi có ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cho thôi giữ chức vụ, kỷ luật và chính sách khác:

a) Phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, kỷ luật và chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, Doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ theo quy định của pháp luật đối với chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử, cho thôi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh.

d) Thẩm định, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đối với chức danh lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước diện Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

6. Về quản lý đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tổng hợp, thẩm định, trình UBND tỉnh chương trình, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch và báo cáo kết quả theo quy định.

b) Thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến về việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy giải quyết một số nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

c) Phối hợp với Sở Ngoại vụ thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 10 Quy định này.

d) Quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của UBND tỉnh

(trừ các lớp đã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt quy định tại điểm c khoản 5 Điều 10 Quy định này).

7. Quản lý chế độ, chính sách khác

a) Tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thực hiện chế độ chính sách tiền lương, nghỉ hưu, nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (trừ các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường).

b) Tổng hợp, thẩm định hồ sơ giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt theo quy định. Hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách khác khi cấp có thẩm quyền ban hành.

Mục 4 **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA SỞ, NGÀNH**

Điều 14. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) đối với các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về tổ chức bộ máy thuộc phạm vi sở, ngành (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này), sau khi có văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

3. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của phòng cấp sở.

4. Xây dựng đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Đối với phương án tự chủ tài chính cần có ý kiến của Sở Tài chính trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 15. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Xây dựng vị trí việc làm, đề án điều chỉnh vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

3. Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức của cơ quan đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

4. Thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức trong các tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

6. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quản lý công chức, viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý tuyển dụng:

a) Xác định số lượng, cơ cấu công chức cần tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định; phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Xây dựng Kế hoạch và Tổ chức tuyển dụng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

b) Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp tự tổ chức theo thẩm quyền).

3. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp và chế độ tiền lương:

a) Quyết định thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức cùng thứ bậc chuyên môn, nghiệp vụ nhưng khác ngạch hiện giữ; thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hiện giữ; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống trên cơ sở văn bản xếp lương theo chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ.

b) Xây dựng phương án thay đổi vị trí việc làm đối với công chức thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) quyết định.

c) Xây dựng phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp theo quy định của các Bộ, ngành chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt.

d) Quyết định thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp lương và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với viên chức giữ chức danh nghề

nghiệp hạng I trở xuống, công chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

đ) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

4. Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái

a) Đề nghị Sở Nội vụ ban hành Quyết định tiếp nhận, điều động công chức, viên chức theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Quy định này; ban hành quyết định tiếp nhận, điều động công chức, viên chức từ cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh hoặc ngược lại sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ.

b) Quyết định điều động, biệt phái công chức, viên chức giữa cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ký, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định (tuyển dụng mới, chuyển công tác, viên chức thôi việc).

d) Cho ý kiến bằng văn bản về việc công chức, viên chức liên hệ chuyển công tác đến cơ quan Trung ương, các cơ quan đảng, các cơ quan trong tỉnh và ngoài tỉnh.

5. Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức và chính sách khác:

a) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định.

b) Căn cứ quy định của Trung ương và của tỉnh, triển khai xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ và thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ đối với cấp trưởng phòng, phó trưởng phòng; cấp trưởng và cấp phó chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh quản lý phải có ý kiến của Ban Thường vụ trước khi thực hiện).

d) Quyết định hoặc giao cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thực hiện quy trình, ban hành Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc; quyết định khen

thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác theo quy định đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

6. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị theo quy định.

b) Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Hàng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

7. Chế độ, chính sách và các nội dung quản lý khác

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Lập và quản lý hồ sơ công chức công tác tại sở, ngành và hồ sơ cấp trưởng, cấp phó chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành.

c) Hàng năm, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

d) Quyết định khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách (tiền lương, nghỉ hưu, thôi việc) đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật (trừ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý). Lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Quyết định thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

đ) Ký kết hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ của công chức quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, sau khi có ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ, chính sách đúng quy định của pháp luật.

Mục 5

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 17. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 5, Điều 8 Quy định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án tự chủ trình UBND tỉnh sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ và Sở Tài chính; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị báo cáo Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng và tương đương thuộc đơn vị.

Điều 18. Quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Quản lý vị trí việc làm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập để trình Hội đồng quản lý thông qua; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

3. Quản lý số lượng người làm việc:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên lập kế hoạch số lượng người làm việc hằng năm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành,

lĩnh vực; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên lập kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị mình báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

c) Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc của đơn vị theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; Hướng dẫn, kiểm tra vị trí việc làm và số lượng người làm việc theo quy định.

Điều 19. Quản lý viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này. Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo Đề án tự chủ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Xây dựng Kế hoạch và Tổ chức tuyển dụng viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định trình UBND tỉnh qua Sở Nội vụ phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện (trừ đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên).

3. Quản lý chức danh nghề nghiệp.

a) Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống trên cơ sở văn bản xếp lương theo chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ.

4. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức và chính sách khác

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định.

b) Hằng năm, căn cứ quy định của Trung ương và của tỉnh, triển khai, phê duyệt quy hoạch đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách khác theo quy định đối với viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định.

5. Quản lý tiếp nhận, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm

a) Quyết định thay đổi vị trí việc làm viên chức giữa các phòng, ban, đơn vị thuộc quyền quản lý; biệt phái, cho chuyên công tác viên chức thuộc quyền quản lý; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác viên chức giữa các phòng và tương đương thuộc quyền quản lý theo quy định.

b) Đề nghị Sở Nội vụ tiếp nhận công chức, viên chức từ cơ quan Trung ương cơ quan đơn vị khác và ngoài tỉnh đến làm việc tại đơn vị; Quyết định tiếp nhận công chức, viên chức cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh sau khi Sở Nội vụ cho ý kiến, ký hợp đồng làm việc theo quy định.

6. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị theo quy định;

b) Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Hàng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

7. Chế độ, chính sách và các nội dung quản lý khác

a) Quyết định thực hiện chế độ tiền lương, nghỉ hưu, nghỉ thôi việc và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý, sử dụng (trừ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

b) Lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Quyết định thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với viên chức, người lao động khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

d) Lập và quản lý hồ sơ viên chức công tác tại đơn vị theo quy định.

đ) Hằng năm, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Mục 6

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 20. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 5, Điều 8 Quy định này.

2. Xây dựng Đề án, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn và các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án theo Đề án được phê duyệt.

4. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng cấp xã phù hợp với hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh; căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và số lượng Phó Trưởng phòng bình quân của phòng theo quy định, quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

Điều 21. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Xây dựng vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

3. Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc của cơ quan đơn vị và các tổ chức trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

4. Quản lý, hướng dẫn việc sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

Điều 22. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Xác định số lượng, cơ cấu công chức cần tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định; Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc đơn vị, trình UBND tỉnh qua Sở Nội vụ phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

c) Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên thuộc đơn vị.

3. Quản lý chức danh nghề nghiệp

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

4. Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức và chính sách khác.

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định.

b) Chỉ đạo và thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hằng năm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

5. Quản lý các nội dung khác

a) Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm, giai đoạn của địa phương theo quy định.

b) Xây dựng phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức của các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt.

c) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

d) Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định.

Mục 7

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 23. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, đổi tên, giải thể, xếp hạng các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

Điều 25. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch tuyển dụng viên chức, tiếp nhận vào làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp tự tổ chức theo thẩm quyền).

b) Quyết định cử viên chức hướng dẫn viên chức tập sự trúng tuyển; Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp xếp hạng viên chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự.

3. Quản lý ngạch, chức danh nghề nghiệp

a) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp từ hạng III trở xuống trên cơ sở văn bản xếp lương theo chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ.

b) Xây dựng phương án thay đổi vị trí việc làm đối với công chức thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) quyết định. Quyết định thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức cùng thứ bậc chuyên môn, nghiệp vụ nhưng khác ngạch hiện giữ; Thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hiện giữ.

c) Xây dựng phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt.

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng thuộc quyền quản lý theo quy định.

4. Quản lý tiếp nhận, điều động, biệt phái

a) Đề nghị Sở Nội vụ ban hành các Quyết định tiếp nhận, điều động công chức, viên chức theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Quy định này (riêng đối với tiếp nhận điều động công chức, viên chức từ cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh hoặc phạm vi ngoài xã, Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định tiếp nhận sau khi có ý kiến của Ban Tổ chức và Sở Nội vụ).

b) Quyết định điều động công chức giữa các phòng thuộc thẩm quyền quản lý; thay đổi vị trí việc làm, chuyển công tác viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý; cho ý kiến bằng văn bản đối với công chức, viên chức liên hệ chuyển công tác; Quyết định điều động công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đến làm viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý.

c) Hướng dẫn người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức thôi việc. Quyết định biệt phái cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, kỷ luật và chính sách khác:

Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và chính sách khác theo quy định đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

6. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng

a) Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị theo quy định.

b) Quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Hàng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

7. Chế độ chính sách và các nội dung quản lý khác

a) Lập và quản lý hồ sơ của công chức; cán bộ, công chức; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định của pháp luật.

b) Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Quyết định tiền lương, nghỉ hưu, thôi việc và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật. Lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; Quyết định thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Ký kết hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ của công chức quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, sau khi có ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện quản lý chế độ, chính sách theo quy định và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Mục 8

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHI CỤC THUỘC SỞ, NGÀNH

Điều 26. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Xây dựng đề án về thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình Thủ trưởng sở, ngành xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (thông qua Sở Nội vụ thẩm định).

2. Quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của phòng và tương đương thuộc chi cục.

Điều 27. Quản lý vị trí việc làm và biên chế

1. Xây dựng (sửa đổi, bổ sung) vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc, trình Thủ trưởng sở, ngành xem xét, gửi Sở Nội vụ thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý gửi sở, ngành tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 28. Quản lý công chức, viên chức

1. Đề nghị sử, ngành quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, đánh giá, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với công chức, viên chức của chi cục.

2. Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc diện quản lý.

3. Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức xin thôi việc.

4. Xác định số lượng, nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức, trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, thực hiện theo quy định.

5. Đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm theo quy định.

6. Lập và quản lý hồ sơ công chức từ cấp Trưởng phòng thuộc chi cục trở xuống đang công tác tại chi cục, hồ sơ cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc chi cục theo quy định.

7. Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và biên chế công chức, công tác cán bộ và quản lý, sử dụng công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng công chức, viên chức.

Mục 9

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC SỞ, NGÀNH, THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC CHI CỤC

Điều 29. Quản lý tổ chức bộ máy

1. Tham mưu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 5, Điều 8 Quy định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc theo Đề án tự chủ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị, trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, báo cáo Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các khoa,

phòng và tương đương thuộc đơn vị.

Điều 30. Quản lý vị trí việc làm và số lượng người làm việc viên chức

1. Tham mưu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 6, Điều 9 và Điều 12 Quy định này.

2. Quản lý vị trí việc làm

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập để trình Hội đồng quản lý thông qua; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sau khi được Hội đồng quản lý thông qua.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, có văn bản gửi Sở Nội vụ có ý kiến trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng Đề án vị trí việc làm, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Quản lý số lượng người làm việc

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có Hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải trình Hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt số lượng người làm việc của đơn vị. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên xem xét, có văn bản gửi Sở Nội vụ có ý kiến trước khi quyết định theo thẩm quyền.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: lập kế hoạch

số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị mình, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để báo cáo Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh (Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thì kế hoạch số lượng người làm việc gồm: số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

c) Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc của đơn vị theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 31. Quản lý viên chức

1. Tham mưu, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ quyết định các nội dung theo thẩm quyền quy định tại Điều 7, Điều 10, Điều 13 Quy định này. Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo Đề án tự chủ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Quản lý tuyển dụng

a) Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên xây dựng chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng viên chức báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp và đề nghị Sở Nội vụ có ý kiến về chỉ tiêu, kế hoạch trước khi tổ chức thực hiện; Quyết định cử người hướng dẫn tập sự cho viên chức tập sự; ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển tại đơn vị.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch tuyển dụng viên chức và tổ chức thực hiện theo quy định, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Sở Nội vụ để kiểm tra, giám sát; bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức tập sự đạt yêu cầu.

3. Quản lý chức danh nghề nghiệp

a) Tổng hợp nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã theo quy định.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức đối với viên chức trúng tuyển; quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên sau khi có thông báo viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Quyết định xét chuyển

chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống.

4. Quản lý quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức và chế độ tiền lương

a) Đề nghị cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức lãnh đạo là người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu của đơn vị.

b) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, cho thôi giữ chức vụ, biệt phái, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Chế độ, chính sách và các nội dung quản lý khác

a) Quyết định cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức xin thôi việc, người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp viên chức được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến đơn vị sự nghiệp công lập khác thì không thực hiện việc tuyển dụng mới và không giải quyết chế độ thôi việc, nhưng phải ký kết hợp đồng làm việc mới với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức phù hợp trên cơ sở căn cứ vào loại hình hợp đồng làm việc của viên chức đang được ký kết tại đơn vị sự nghiệp công lập trước khi chuyển công tác, năng lực, trình độ đào tạo, quá trình công tác, diễn biến tiền lương và thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của viên chức.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cử viên chức đi đào tạo trong nước bằng nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị hoặc do cá nhân tự túc.

d) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hằng năm theo quy định.

đ) Quyết định việc thuê, khoán để làm những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên; ký hợp đồng cộng tác viên, thuê hoặc mời chuyên gia hỗ trợ cho công việc chuyên môn của đơn vị theo quy định pháp luật.

e) Lập và quản lý hồ sơ viên chức từ cấp Trưởng phòng, khoa thuộc đơn vị trở xuống công tác tại đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Thực hiện chế độ báo cáo về đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Giám đốc Sở Nội vụ

1. Có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quy định này.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xác định các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của các văn bản pháp luật chuyên ngành.

3. Kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện, chấp hành các quy định này theo quy định của pháp luật; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 33. Thủ trưởng các sở, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này, hướng dẫn và quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ, thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 34. Hợp đồng lao động

Việc ký kết hợp đồng lao động và quản lý lao động hợp đồng tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 35. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Người đứng đầu Doanh nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, quyết định./.
